

## **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2022/TT-BKHĐT

*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

### **THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len**

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;*

---

*Văn bản được đăng tải tại Cơ sở dữ liệu về Văn bản pháp luật - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<https://vbqppl.mpi.gov.vn>)*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi là Hiệp định CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (sau đây gọi là Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (sau đây gọi là Hiệp định UKVFTA) được tổ chức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

### **Điều 3. Áp dụng Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp**

#### **1. Áp dụng Mẫu hồ sơ mời thầu:**

a) Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp số 01 (Mẫu số 01) áp dụng cho gói thầu đấu thầu rộng rãi theo phương thức lựa chọn nhà thầu một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp số 02 (Mẫu số 02) áp dụng cho gói thầu đấu thầu rộng rãi theo phương thức lựa chọn nhà thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2. Đối với gói thầu xây lắp áp dụng hình thức chỉ định thầu, việc lập hồ sơ yêu cầu có thể vận dụng quy định tại Thông tư này trên cơ sở đảm bảo không trái với quy định tại các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

### **Điều 4. Lập hồ sơ mời thầu**

#### **1. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:**

a) Căn cứ vào quy mô, tính chất của từng gói thầu cụ thể, bên mời thầu đưa ra các yêu cầu phù hợp trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Trường hợp bên mời thầu

đăng tải hồ sơ mời thầu không đầy đủ thông tin hoặc thông tin không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu thì hồ sơ mời thầu này là không hợp lệ; bên mời thầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu cho phù hợp và đăng tải lại hồ sơ mời thầu;

b) Bên mời thầu không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng; không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng ký kết thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với cơ quan mua sắm của một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của quốc gia, vùng lãnh thổ đó như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu;

c) Trường hợp chỉnh sửa các quy định nêu trong Mẫu hồ sơ mời thầu thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bảo đảm việc chỉnh sửa đó là chặt chẽ hơn so với quy định nêu trong Mẫu hồ sơ mời thầu và không trái với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA. Trong tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu phải nêu rõ các nội dung chỉnh sửa so với quy định trong Mẫu hồ sơ mời thầu và lý do chỉnh sửa để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

## 2. Quy định về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu

### a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng, bên mời thầu đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong hồ sơ mời thầu cho phù hợp. Hồ sơ mời thầu không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc đối với các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông;

- Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu trong một khoảng thời gian phù hợp. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì nhà thầu bị loại.

### b) Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu:

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu cho phù hợp (số lượng, chủng loại, tính năng, công suất);

- Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu trong một khoảng thời gian phù hợp. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì nhà thầu bị loại.

c) Trường hợp trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự, thiết bị như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Trường hợp không huy động được nhân sự, thiết bị, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

d) Trong mọi trường hợp, nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

### 3. Quy định về cam kết, hợp đồng nguyên tắc

Trường hợp hồ sơ mời thầu có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà hồ sơ dự thầu không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian hợp lý để làm cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu.

### 4. Hợp đồng

a) Hồ sơ mời thầu phải bao gồm Mẫu hợp đồng và quy định chi tiết các điều, khoản của hợp đồng để nhà thầu làm cơ sở chào thầu và để các bên làm cơ sở thương thảo, hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Hợp đồng bao gồm Điều kiện chung, Điều kiện cụ thể và Biểu mẫu hợp đồng. Tùy theo quy mô, tính chất của từng gói thầu mà chủ đầu tư quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể áp dụng các mẫu hợp đồng xây dựng do Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) ban hành nhưng không trái với pháp luật trong nước.

b) Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư với nhà thầu phải lấy theo Mẫu hợp đồng, các điều kiện hợp đồng quy định trong hồ sơ mời thầu và các hiệu chỉnh, bổ sung do nhà thầu đề xuất được chủ đầu tư chấp thuận trong quá trình thương thảo, hoàn



thiện hợp đồng nhưng bảo đảm không trái với quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2022.

2. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã mở thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc đánh giá hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

3. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã phê duyệt, phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng có thời điểm đóng thầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chưa đến thời điểm đóng thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp hoặc trái với hướng dẫn nêu tại các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư này thì phải sửa đổi cho phù hợp. Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, chủ đầu tư, bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

4. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đã phê duyệt hồ sơ mời thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải sửa đổi theo các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này sửa đổi, bổ sung thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung đó.

6. Các tổ chức quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Chí Dũng**

**MẪU**  
**HỒ SƠ MỜI THẦU**  
**XÂY LẮP**  
**ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN**  
**MỘT TÚI HỒ SƠ**  
**(Mẫu số 01)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len)

## HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số hiệu gói thầu:** \_\_\_\_\_

**Tên gói thầu:** \_\_\_\_\_

**Dự án:** \_\_\_\_\_

*[ghi số hiệu gói thầu, tên gói thầu và tên dự án  
theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu]*

**Phát hành ngày:** \_\_\_\_\_

*[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu]*

**Ban hành kèm theo Quyết định:** \_\_\_\_\_

*[ghi số quyết định, ngày ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]*

**Tư vấn lập hồ sơ mời thầu  
(nếu có)**

*[ghi tên, đóng dấu]*

**Bên mời thầu**

*[ghi tên, đóng dấu]*

---

---

## MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt .....	
Từ ngữ viết tắt .....	
<b>Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU .....</b>	
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu .....	
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu .....	
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu .....	
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu .....	
<b>Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT .....</b>	
Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật .....	
<b>Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG .....</b>	
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng .....	
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng .....	
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng .....	

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### **Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

#### **Chương IV. Biểu mẫu dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

Chương này cung cấp các thông tin về thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin bổ sung mô tả công trình do Bên mời thầu chuẩn bị.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

#### **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có các điều khoản cụ thể đối với từng hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng.

#### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.



**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đô la Mỹ
EUR	Đồng tiền chung Châu Âu
Hiệp định CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
Hiệp định EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu
Hiệp định UKVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
Hệ thống mạng	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <a href="https://muasamcong.mpi.gov.vn">https://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Nghị định số 95/2020/NĐ-CP	Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
Nghị định số 09/2022/NĐ-CP	Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>2. Nguồn vốn</b>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>3. Hành vi bị cấm</b>	<p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu.</p> <p>3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi</p>

	<p>đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.</p> <p>3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;</p> <p>b) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>c) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu xây lắp do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;</p> <p>d) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó.</p> <p>3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật Đấu thầu:</p> <p>a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với</p>
--	--

	<p>từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.</p>
<b>4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b>	<p>4.1. Có Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh cá thể) hoặc các tài liệu tương đương khác.</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định</p>



	<p>pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác.</p> <p>4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ở bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào.</p> <p>4.6. Đăng ký trên Hệ thống mạng cho đến trước thời điểm xét duyệt trúng thầu. Việc đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng.</p> <p>4.7. Không bị kết luận vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên các nghĩa vụ quan trọng trong một hoặc nhiều hợp đồng trong vòng 05 năm gần đây.</p> <p>4.8. Không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>4.9. Không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>4.10. Là nhà thầu được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ theo quy định tại <b>BDL</b><sup>1</sup>.</p>
<b>5. Nội dung của HSMT</b>	<p>5.1. HSMT bao gồm các Phần 1, 2, 3 và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 6 và Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSMT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ quy định nội dung này đối với trường hợp đấu thầu nội khối. Đối với đấu thầu quốc tế thì bỏ nội dung này.

	<p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>TBMT do Bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống mạng không được coi là một phần của HSMT.</p> <p>5.2. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu trên Hệ thống mạng. Tài liệu do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống mạng sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>6. Làm rõ HSMT, khảo sát hiện trường, hội nghị tiền đấu thầu</b></p>	<p>6.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và đăng tải văn bản làm rõ HSMT trên Hệ thống mạng trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT.</p>

6.2. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

6.3. Bên mời thầu sẽ cho phép nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu cam kết rằng Bên mời thầu và các bên liên quan của Bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**.

6.4. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống mạng. Nội dung trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống mạng trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

6.5. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ đăng tải văn bản sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.

	<p>6.6. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p>
<b>7. Sửa đổi HSMT</b>	<p>7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Nội dung sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được đăng tải trên Hệ thống mạng theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định sửa đổi HSMT kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT;</li> <li>- Quyết định sửa đổi HSMT kèm theo HSMT đã được sửa đổi. Trong HSMT đã được sửa đổi phải thể hiện rõ các nội dung sửa đổi.</li> </ul> <p>7.3. Thời gian đăng tải Quyết định sửa đổi HSMT tối thiểu là 15 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian đăng tải Quyết định sửa đổi HSMT không đáp ứng quy định tại Mục này, Bên mời thầu phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng cho phù hợp.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống mạng để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp xét thấy nhà thầu cần thêm thời gian để chuẩn bị HSDT cho phù hợp với HSMT sửa đổi, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.2 CDNT.</p>
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	<p>Nhà thầu phải chịu các chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>

<b>9. Ngôn ngữ của HSDT</b>	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> . Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> . Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với các sai khác giữa bản gốc và bản dịch của tài liệu (nếu có).
<b>10. Thành phần của HSDT</b>	<p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT.</p> <p>10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 19.3 CDNT.</p> <p>10.3. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu (đối với nhà thầu liên danh).</p> <p>10.4. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT.</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT.</p> <p>10.6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT.</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 15 CDNT.</p> <p>10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT.</p> <p>10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có).</p> <p>10.10. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Các biểu mẫu phải được điền đầy đủ thông tin.
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</b>	12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.



	<p>12.2. Trường hợp HSMT có quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với một hoặc một số hạng mục của công trình thì tên các hạng mục sẽ được liệt kê trong <b>BDL</b> và được mô tả trong Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. Việc đánh giá HSDT đối với các hạng mục này được thực hiện theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>12.3. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p>
<p><b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Giá dự thầu và giảm giá (bao gồm tất cả các loại giảm giá) phải tuân thủ các quy định tại Mục này.</p> <p>13.2. Nhà thầu phải chào đơn giá cho từng hạng mục công việc theo phạm vi công việc tại Mẫu số 22A, Mẫu số 22B hoặc Mẫu số 22C Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp tại cột “Đơn giá dự thầu” và cột “Thành tiền” nhà thầu bỏ trống hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo thiết kế bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p>

13.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc giảm giá trực tiếp trong đơn dự thầu. Thư giảm giá có thể được nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá được nộp cùng với HSDT thì bảng kê thành phần HSDT của nhà thầu phải có thư giảm giá. Trường hợp thư giảm giá được nộp riêng thì phải đựng thư giảm giá trong túi có niêm phong, ghi rõ “Thư giảm giá” (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định) tuân thủ theo quy định tại Mục 20.2 và Mục 20.3 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá, được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu”, không bao gồm chi phí dự phòng. Giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu sau khi đã trừ đi chi phí dự phòng (nếu có).

13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

13.5. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp HSDT có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu giải thích, làm rõ bằng văn bản về tính khả thi của đơn giá khác thường đó theo quy định tại Mục 26 CDNT. Nếu sự giải thích của nhà thầu không đủ rõ, không có tính thuyết phục thì Bên mời thầu không chấp nhận đơn giá chào thầu đó, đồng

	thời coi đây là sai lệch và thực hiện hiệu chỉnh sai lệch theo quy định như đối với nội dung chào thiếu của HSDT so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 31.2 CDNT. Việc hiệu chỉnh sai lệch chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.
<b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>	<p>14.1. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán phải giống nhau và theo quy định tại <b>BDL</b>. Một hạng mục công việc cụ thể thì được chào bằng một loại đồng tiền.</p> <p>14.2. Các chi phí trong nước phải được thanh toán bằng VND, các chi phí bên ngoài lãnh thổ Việt Nam được thanh toán bằng đồng tiền theo quy định tại Mục 14.1 CDNT.</p>
<b>15. Thành phần đề xuất kỹ thuật</b>	Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.
<b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b>	<p>16.1. Nhà thầu phải kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình. Trường hợp không có sự thay đổi, nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu. Trường hợp năng lực của nhà thầu tại thời điểm đóng thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu theo tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>

<p><b>17. Thời gian có hiệu lực của HSDT</b></p>	<p>17.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời gian quy định tại <b>BDL</b>. HSDT nào có thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>17.2. Trường hợp cần thiết, trước khi hết thời gian có hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu được hoàn trả bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam theo quy định tại Mục 18.2 CDNT. Thư bảo lãnh phải thực hiện theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p>

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp



	<p>liên danh, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV - Biểu mẫu dự thầu).</p> <p>18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại <b>BDL</b>, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;</li> <li>b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 37.1 CDNT;</li> <li>c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 41.1 CDNT;</li> <li>d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày được mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.</li> </ul>
<p><b>19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT</b></p>	<p>19.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 01 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA</p>

ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.

Trường hợp HSDT của nhà thầu bao gồm cả tài liệu, thông tin có tính chất bí mật đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà thầu (như thông tin độc quyền, bí mật kinh doanh, thông tin nhạy cảm) thì nhà thầu phải đóng dấu “BẢO MẬT” đối với các tài liệu, thông tin này.

19.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

19.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02

	<p>Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>19.4. Đối với nhà thầu liên danh, HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<p><b>20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</b></p>	<p>20.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p>

	<p>20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</p> <p>b) Ghi tên và địa chỉ của người nhận là Bên mời thầu theo quy định tại Mục 21.1 CDNT;</p> <p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo “Không được mở trước thời điểm mở thầu”.</p> <p>20.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<b>21. Thời điểm đóng thầu</b>	<p>21.1. Nhà thầu nộp HSDT theo quy định tại <b>BDL</b> và phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, tất cả quyền hạn và trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<b>22. HSDT nộp muộn</b>	<p>HSDT được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại. Bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung HSDT đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 26.1 và Mục 26.3 CDNT.</p>

<p><b>23. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT</b></p>	<p>23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 19.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “THAY THẾ HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNT.</p> <p>23.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 23.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>23.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<p><b>24. Mở thầu</b></p>	<p>24.1. Trừ trường hợp quy định tại Mục 22 và Mục 23.2 CDNT, Bên mời thầu mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo quy định tại điểm b Mục 24.5 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p>

24.2. Trước tiên, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT nếu văn bản thông báo rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. Trong trường hợp này, HSDT vẫn được mở theo quy định tại Mục 24.5 CDNT.

24.3. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HỒ SƠ DỰ THẦU” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. Trong trường hợp này, HSDT bị thay thế vẫn được mở theo quy định tại Mục 24.5 CDNT.

24.4. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ DỰ THẦU” cùng với HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu.

24.5. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

	<p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có), HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu các thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ có các HSDT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> <p>24.6. Bên mời thầu lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại điểm b Mục 24.5 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
<b>25. Bảo mật</b>	<p>25.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được</p>

	<p>tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>25.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 26 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>26. Làm rõ HSDT</b></p>	<p>26.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, bao gồm cả làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu (trừ trường hợp nhà thầu xác nhận việc sửa lỗi số học đối với HSDT của mình do Bên mời thầu thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT). Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử.</p> <p>26.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản. Các tài liệu không liên quan đến nội dung yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu sẽ không được xem xét, đánh giá, trừ các tài liệu tự làm rõ theo quy định tại Mục 26.3 CDNT.</p> <p>26.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại <b>BDL</b>, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và</p>



	<p>kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận các tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử.</p> <p>26.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>26.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p><b>27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>27.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>27.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT.</p>

	27.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
<b>28. Xác định tính đáp ứng của HSDT</b>	<p>28.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>28.3. Bên mời thầu kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu tại Phần 2 - Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản.</p> <p>28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<b>29. Sai sót không nghiêm trọng</b>	29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

	<p>29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nêu trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<b>30. Nhà thầu phụ</b>	<p>30.1. Nhà thầu phụ là nhà thầu ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu chính phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 21A Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, nhà thầu chính chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>30.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính, trừ trường hợp quy định tại Mục 30.5 CDNT. Bản thân nhà</p>

thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Trường hợp trong HSDT nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu.

30.3. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại **BDL**.

30.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.

30.5. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu chính sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại **BDL**. Trong trường hợp này, nhà thầu chính phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 21B Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSMT và nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSMT.

<p><b>31. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch</b></p>	<p>31.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá, trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi trong khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở cho việc sửa lỗi; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học (trong quá trình hình thành giá dự thầu có sai sót về lỗi số học) thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b Mục 31.1 CDNT;</p> <p>d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo cách nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về</p>
--	---

	<p>phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 31.2 CDNT;</p> <p>đ) Lỗi nhằm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT.</p> <p>31.2. Hiệu chỉnh sai lệch:</p> <p>Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Bên mời thầu sẽ tiến hành hiệu chỉnh sai lệch không cơ bản như sau:</p> <p>a) Sai lệch về phạm vi cung cấp:</p> <p>Nhà thầu phải ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc như yêu cầu trong HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì đơn giá phần công việc này được coi là đã phân bổ vào đơn giá của các công việc khác trong bảng tổng hợp giá dự thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.</p> <p>Phần công việc nêu trong HSMT không được liệt kê trong bảng tổng hợp giá dự thầu của nhà thầu được coi là phần chào thiếu trong HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 31.2 CDNT để so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Trường hợp HSDT được xếp thứ nhất thì đơn giá cho phần công việc chào thiếu sẽ được thương thảo với nhà thầu theo quy định tại Mục 35 CDNT. Phần công việc được liệt kê trong bảng tổng hợp giá dự thầu của nhà thầu nằm ngoài phạm vi công việc nêu trong HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 31.2 CDNT;</p> <p>b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:</p> <p>Trường hợp HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục nêu tại điểm a Mục 31.2 CDNT và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức</p>
--	--

đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch để làm cơ sở so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu.

Trường hợp HSDT của nhà thầu chào thừa thì giá trị của các hạng mục chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong HSDT.

31.3. Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

31.4. HSDT được hiệu chỉnh sai lệch cho những sai lệch không cơ bản về chào thiếu khối lượng, hạng mục hoặc không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật.

31.5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại các Mục 31.1, 31.2, 31.3 và 31.4 CDNT, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu là không phù hợp, chính xác.

<p><b>32. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>32.1. Đối với gói thầu áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước, việc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.2. Nguyên tắc ưu đãi thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.3. Đối tượng ưu đãi thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.4. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh HSDT, xếp hạng nhà thầu. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.5. Trường hợp các nhà thầu tham dự đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.</p>
<p><b>33. Đánh giá HSDT</b></p>	<p>33.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá các HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>33.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>33.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT trên cơ sở các tài liệu chứng minh do nhà thầu cung cấp theo quy định tại Mục 16 CDNT.</p> <p>Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở thông tin do nhà thầu kê khai trong HSDT. Trường hợp</p>



	<p>nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, Bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì HSDT của nhà thầu bị loại;</p> <p>b) Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>33.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về tài chính:</p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>33.5. Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.</p> <p>33.6. Trường hợp nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
--	--

<p><b>34. HSDT có yếu tố khác thường</b></p>	<p>34.1. Trường hợp HSDT của nhà thầu xếp thứ nhất có đơn giá chào cao hơn đơn giá trên thị trường ở các phần công việc dễ thực hiện, hoặc phần công việc có khả năng phát sinh khối lượng ngoài khối lượng trong bảng tổng hợp giá dự thầu và có đơn giá chào thấp hơn ở các phần công việc khó thực hiện thì Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ bằng văn bản về chi tiết giá dự thầu. Nhà thầu phải chứng minh sự phù hợp giữa giá dự thầu với phạm vi công việc, phương pháp thi công do nhà thầu đề xuất, tiến độ thực hiện và các yêu cầu khác của HSMT.</p> <p>34.2. Trường hợp có rủi ro trong việc thực hiện gói thầu, Bên mời thầu có thể yêu cầu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng cao hơn (nhưng không quá 30% giá hợp đồng). Trường hợp giải thích của nhà thầu không rõ ràng hoặc không thuyết phục, HSDT đó sẽ bị loại.</p>
<p><b>35. Thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>35.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</li> <li>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</li> <li>c) HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).</li> </ul> <p>35.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT;</li> <li>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), trừ trường hợp quy định tại điểm c Mục 35.2 CDNT;</li> <li>c) Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu thực hiện theo quy định tại Mục 31.4 CDNT.</li> </ul> <p>35.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p>

	<p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế. Trường hợp HSDT có sai lệch nêu tại Mục 31.4 CDNT thì khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật (hoặc đơn giá dự toán được duyệt nếu đơn giá này thấp hơn) và áp dụng tỷ lệ giảm giá của giá dự thầu của nhà thầu (nếu có) để thương thảo đối với phần sai lệch bị chào thiếu khối lượng, hạng mục hoặc không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>c) Thương thảo về nhân sự:</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng) trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p>
--	--

	<p>đ) Xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>e) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 CDNT;</p> <p>g) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>35.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, ĐKCT, phụ lục hợp đồng (nếu có).</p> <p>35.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 37.1 CDNT.</p> <p>35.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo trực tuyến.</p>
<b>36. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>36.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>36.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>36.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p>

	<p>36.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu.</p> <p>36.5. Có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối không quá 30% giá dự thầu.</p> <p>36.6. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>36.7. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<b>37. Hủy thầu</b>	<p>37.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã phê duyệt trong Quyết định đầu tư ảnh hưởng tới HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án; HSMT hoặc việc tổ chức lựa chọn nhà thầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật dẫn đến làm hạn chế sự cạnh tranh giữa các nhà thầu và không bảo đảm mục tiêu hiệu quả kinh tế của gói thầu;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>37.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 37.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan để bù đắp chi phí tổ chức đấu thầu lại và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>

	<p>37.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 37.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định hủy thầu, Bên mời thầu hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 37.1 CDNT.</p>
<b>38. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b>	<p>38.1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng. Nội dung thông tin đăng tải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên gói thầu và mô tả tóm tắt về gói thầu;</li> <li>b) Tên và địa chỉ cơ quan mua sắm;</li> <li>c) Tên và địa chỉ nhà thầu trúng thầu;</li> <li>d) Giá trúng thầu;</li> <li>đ) Ngày phê duyệt, số quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>g) Loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>h) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu hoặc giải thích ưu thế tương đối của nhà thầu trúng thầu.</li> </ul> <p>38.2. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu thông qua địa chỉ hòm thư điện tử của nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ban hành. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên nhà thầu trúng thầu;</li> <li>b) Giá trúng thầu;</li> <li>c) Loại hợp đồng;</li> <li>d) Thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu hoặc giải thích ưu thế tương đối của nhà thầu trúng thầu;</li> </ul>

	<p>e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>38.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 37.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>38.4. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 38.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
<b>39. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</b>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi cho nhà thầu trúng thầu thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, trong đó nêu rõ các yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các mẫu biểu tương ứng tại Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 18.5 CDNT; thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<b>40. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>40.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn phải còn hiệu lực.</p> <p>40.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì</p>

	<p>Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p>
<b>41. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>41.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam theo quy định tại Mục 5.1 Chương VI - Điều kiện chung của hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng Mẫu số 29 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>41.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>41.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hủy kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
<b>42. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</p>



<b>43. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b>	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>BDL</b> .
---	--

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

<b>CDNT 1.1</b>	Tên Bên mời thầu: ____ <i>[ghi tên đầy đủ của Bên mời thầu]</i> .
<b>CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: ____ <i>[ghi tên đầy đủ của gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]</i> . Tên dự án: ____ <i>[ghi tên dự án theo Quyết định đầu tư được duyệt]</i> .
<b>CDNT 2</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): ____ <i>[ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, thời gian cấp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng]</i> .
<b>CDNT 4.4</b>	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với <sup>1</sup> : ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của Chủ đầu tư, Bên mời thầu]</i> ; - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của Chủ đầu tư, Bên mời thầu]</i> ; trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước của Việt Nam và sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. Nhà thầu tham dự thầu không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và tài chính đối với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó nếu nhà thầu tư vấn cũng là công ty con thuộc tập đoàn;

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Thông tin về các nhà thầu tư vấn cụ thể như sau:</p> <p>+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn lập HSMT: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn thẩm định HSMT: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn đánh giá HSDT: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)].</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</li> <li>- <math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</li> <li>- <math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</li> </ul>
<b>CDNT 4.10</b>	<p>- Trường hợp gói thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 09/2022/NĐ-CP (gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA) tổ chức đấu thầu nội khối, Bên mời thầu ghi như sau:</p> <p>“Nhà thầu phải là tổ chức được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p>

	<p>a) Là nước thành viên Hiệp định CPTPP<sup>1</sup>: _____ [ghi tên các nước đã ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và tại thời điểm phê duyệt HSMT của gói thầu, Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước đó];</p> <p>b) Áp dụng Hiệp ước Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (là nước thành viên Liên minh Châu Âu);</p> <p>c) Thuộc Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.”</p> <p><b>- Trường hợp gói thầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 09/2022/NĐ-CP (gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP) tổ chức đấu thầu nội khối, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu ghi theo một trong hai cách sau đây:</b></p> <p>“Nhà thầu phải là tổ chức được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <p>a) Là nước thành viên Hiệp định CPTPP<sup>2</sup>: _____ [ghi tên các nước đã ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và tại thời điểm phê duyệt HSMT của gói thầu, Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước đó];</p> <p>b) Áp dụng Hiệp ước Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (là nước thành viên Liên minh Châu Âu);</p> <p>c) Thuộc Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.”</p>
--	--

<sup>1</sup> Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực, Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực với các nước Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Ôt-xtrây-li-a, Niu-di-lân, Ca-na-đa, Việt Nam và Pê-ru. Tại thời điểm phê duyệt HSMT, Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần cập nhật thông tin về danh sách các nước này trên Hệ thống mạng

<sup>2</sup> Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực, Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực với các nước Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Ôt-xtrây-li-a, Niu-di-lân, Ca-na-đa, Việt Nam và Pê-ru. Tại thời điểm phê duyệt HSMT, Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần cập nhật thông tin về danh sách các nước này trên Hệ thống mạng

	<p><i>Hoặc</i></p> <p>“Nhà thầu phải là tổ chức được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ là nước thành viên Hiệp định CPTPP: _____ [ghi tên các nước đã ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và tại thời điểm phê duyệt HSMT của gói thầu, Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước đó”].</p> <p>- Trường hợp gói thầu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 09/2022/NĐ-CP (gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và UKVFTA) tổ chức đấu thầu nội khối, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu ghi theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>“Nhà thầu phải là tổ chức được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <p>a) Là nước thành viên Hiệp định CPTPP<sup>2</sup>: _____ [ghi tên các nước đã ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và tại thời điểm phê duyệt HSMT của gói thầu, Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước đó];</p> <p>b) Áp dụng Hiệp ước Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (là nước thành viên Liên minh Châu Âu);</p> <p>c) Thuộc Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.”</p> <p><i>Hoặc</i></p> <p>“Nhà thầu phải là tổ chức được thành lập theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <p>a) Áp dụng Hiệp ước Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (là nước thành viên Liên minh Châu Âu);</p> <p>b) Thuộc Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.”</p>
--	--

<sup>2</sup> Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực, Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực với các nước Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Ôt-xtrây-li-a, Niu-di-lân, Ca-na-đa, Việt Nam và Pê-ru. Tại thời điểm phê duyệt HSMT, Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần cập nhật thông tin về danh sách các nước này trên Hệ thống mạng

<b>CDNT 6.3</b>	Tổ chức khảo sát hiện trường: ____ [ghi “có” hoặc “không”. Trường hợp “có” thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức khảo sát hiện trường, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức khảo sát hiện trường]
<b>CDNT 6.4</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: ____ [ghi “có” hoặc “không”. Trường hợp “có” thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]
<b>CDNT 9</b>	<p>Ngôn ngữ quy định là: ____</p> <p>[Đối với đấu thầu nội khối, trường hợp HSMT bằng tiếng Việt thì ghi “tiếng Việt”; trường hợp HSMT bằng tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà thầu có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT bằng cả hai ngôn ngữ, nếu có bất kỳ sự sai khác nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì căn cứ vào bản tiếng Việt.”]</p> <p>Đối với đấu thầu quốc tế, trường hợp HSMT bằng tiếng Anh thì ghi “tiếng Anh”; trường hợp HSMT bằng tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà thầu có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT bằng cả hai ngôn ngữ, nếu có bất kỳ sự sai khác nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì căn cứ vào bản tiếng Anh.”]</p>
<b>CDNT 10.10</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ____ [ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “Không yêu cầu”].
<b>CDNT 12.1</b>	Nhà thầu ____ [ghi “được phép” hoặc “không được phép”] nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>CDNT 12.2</b>	<p>[Bên mời thầu lựa chọn một trong hai cách sau đây:</p> <p>“Nhà thầu được phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với các hạng mục sau đây: ____ [ghi tên các hạng mục].</p> <p>Hoặc</p>

	<p>“Nhà thầu không được phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với một hoặc một số hạng mục của công trình.”</p> <p><i>Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với một hoặc một số hạng mục của công trình, Bên mời thầu quy định cụ thể phương pháp đánh giá tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.]</i></p>
<b>CDNT 14.1</b>	<p>Đồng tiền dự thầu: _____ [<i>ghi đồng tiền dự thầu. Tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà thầu chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau, ghi cụ thể tối đa 03 đồng tiền (ngoài VND) cụ thể mà nhà thầu được phép chào, trong số đó phải có tối thiểu 01 đồng tiền là ngoại tệ tự do chuyển đổi (USD, EUR...)].</i></p> <p>Đối với một hạng mục công việc cụ thể thì nhà thầu chỉ được chào thầu bằng một đồng tiền.</p> <p><i>[Trường hợp cho phép nhà thầu chào nhiều hơn một loại đồng tiền thì bổ sung thêm các nội dung sau đây:</i></p> <p>“Đồng tiền quy đổi là: _____ [<i>ghi đồng tiền quy đổi được lựa chọn trong các đồng tiền đã quy định. Trường hợp trong số các đồng tiền có VND thì phải quy đổi theo VND</i>].</p> <p>Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: _____ [<i>ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi</i>].</p> <p>Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: _____ [<i>ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam</i>].</p> <p>Đồng tiền trung gian: _____ [<i>ghi đồng tiền trung gian để quy đổi từ các loại đồng tiền về đồng tiền quy đổi trong trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này và đồng tiền quy đổi. Trong trường hợp này, cần quy định thêm về công thức xác định tỷ giá quy đổi thông qua đồng tiền trung gian (tỷ giá bán ra, mua vào...)].</i>”]</p> <p>Đồng tiền quy đổi, đồng tiền trung gian được sử dụng để so sánh giá dự thầu.</p>
<b>CDNT 17.1</b>	<p>Thời gian có hiệu lực của HSDT là: <math>\geq</math> _____ ngày [<i>ghi cụ thể số ngày nhưng tối đa là 180 ngày</i>], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>

<b>CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: _____ <i>[ghi cụ thể giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định giá trị bảo đảm dự thầu từ 1% đến 3% giá gói thầu]</i>.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq</math> _____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu <i>[ghi rõ số ngày yêu cầu, được xác định bằng thời gian có hiệu lực của HSDT quy định tại Mục 17.1 CDNT cộng thêm 30 ngày]</i>.</p>
<b>CDNT 18.4</b>	<p>Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là _____ ngày <i>[ghi rõ số ngày, nhưng không quá 20 ngày]</i>, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.</p>
<b>CDNT 19.1</b>	<p>Số lượng bản chụp HSDT là: _____ <i>[ghi số lượng bản chụp cần thiết]</i>. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.</p>
<b>CDNT 21.1</b>	<p>1. Địa chỉ của Bên mời thầu (để tiếp nhận HSDT):          Nơi nhận: _____ <i>[ghi tên Bên mời thầu]</i>          - Số nhà/số tầng/số phòng: _____          - Tên đường, phố: _____          - Thành phố: _____          - Mã bưu điện: _____          - Quốc gia: Việt Nam.</p> <p>2. Thời điểm đóng thầu là: _____ giờ _____ phút, ngày _____ tháng _____ năm <i>[căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu ghi thời điểm đóng thầu cho phù hợp với TBMT, bảo đảm đáp ứng số ngày được tính kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng (đối với đấu thầu rộng rãi không lựa chọn danh sách ngắn) hoặc kể từ ngày gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn (đối với đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn) đến ngày có thời điểm đóng thầu theo một trong các trường hợp sau đây:</i></p>

	<p>a) Tối thiểu là 25 ngày (quy định này áp dụng cho đến ngày 13 tháng 01 năm 2026);</p> <p>b) Tối thiểu là 10 ngày đối với trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm chứng minh được rằng thời gian chuẩn bị HSDT theo quy định tại điểm d Mục này là không khả thi;</p> <p>c) Tối thiểu là 30 ngày trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Mục này].</p>
<b>CDNT 24.1</b>	<p>Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số nhà/số tầng/số phòng: _____</li> <li>- Tên đường, phố: _____</li> <li>- Thành phố: _____</li> <li>- Quốc gia: Việt Nam</li> </ul> <p>[ghi thời gian và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu].</p>
<b>CDNT 26.3</b>	<p>Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến Bên mời thầu trong vòng: __ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>[căn cứ vào thời gian đánh giá, tiến độ của dự án, gói thầu mà Bên mời thầu quy định thời gian nhà thầu được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu. Tối thiểu từ 03 đến 05 ngày làm việc].</p>
<b>CDNT 30.3</b>	<p>Sử dụng nhà thầu phụ: __ [ghi “Được sử dụng” hoặc “Không được sử dụng”].</p> <p>Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: __ giá dự thầu của nhà thầu [tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Bên mời thầu ghi tỷ lệ %].</p>
<b>CDNT 30.5</b>	<p>Sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt: __ [ghi “Được sử dụng” hoặc “Không được sử dụng”].</p> <p>[Trường hợp cho phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, Bên mời thầu nêu rõ: “Phần công việc được phép đề xuất sử dụng nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- __ [liệt kê nội dung công việc]</li> <li>- __ [liệt kê nội dung công việc”]</li> </ul>



<b>CDNT 32.1</b>	<p>Biện pháp ưu đãi: _____</p> <p><i>[Cơ quan mua sắm có thể sử dụng một hoặc các biện pháp ưu đãi sau đây:</i></p> <p><i>a) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu hoặc chỉ đủ năng lực để tham gia với tỷ lệ công việc dưới 3%. Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ, yêu cầu nhà thầu nước ngoài phải nộp bản cam kết kèm theo HSDT với nội dung khi trúng thầu sẽ phải sử dụng nhà thầu phụ trong nước thực hiện phần công việc đã đề xuất trong HSDT;</i></p> <p><i>b) Yêu cầu nhà thầu nước ngoài chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và các biện pháp ưu đãi khác khi trúng thầu tại Việt Nam;</i></p> <p><i>c) Áp dụng ưu đãi theo quy định tại Mục 32.3 và Mục 32.4 CDNT;</i></p> <p><i>d) Hoặc các biện pháp ưu đãi khác.]</i></p>
<b>CDNT 32.2</b>	<p>Nguyên tắc ưu đãi: _____</p> <p><i>[Trường hợp áp dụng ưu đãi đối với nhà thầu trong nước khi tổ chức đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế, Bên mời thầu ghi như sau:</i></p> <p><i>“a) Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của HSMT;</i></p> <p><i>b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí trong nước cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động trong nước hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả)”.</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng ưu đãi đối với nhà thầu nội khối khi tổ chức đấu thầu quốc tế, Bên mời thầu ghi như sau:</i></p> <p><i>a) Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được áp dụng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của HSMT;</i></p>

	<p>b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí nội khối cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động nội khối hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả)”.]</p>
<b>CDNT 32.3</b>	<p>Đối tượng ưu đãi: _____</p> <p><i>[Đối với đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế, trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu không lựa chọn áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại Mục 32.1 CDNT thì ghi “Không áp dụng”.</i></p> <p><i>Đối với đấu thầu quốc tế, trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu không lựa chọn áp dụng biện pháp ưu đãi cho nhà thầu nội khối thì ghi “Không áp dụng”.</i></p> <p><i>Đối với đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế, trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu lựa chọn áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại Mục 32.1 CDNT thì quy định như sau:</i></p> <p><i>“Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác; nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu.”</i></p> <p><i>Đối với đấu thầu quốc tế, trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu không lựa chọn áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại Mục 32.1 CDNT nhưng áp dụng biện pháp ưu đãi cho nhà thầu nội khối thì quy định như sau: “Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi nhà thầu nội khối tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu nội khối khác; nhà thầu liên danh trong đó có thành viên liên danh là nhà thầu nội khối và thành viên này đảm nhận từ 50% trở lên giá trị công việc của gói thầu.”]</i></p>
<b>CDNT 32.4</b>	<p>Cách tính ưu đãi: _____</p> <p><i>[Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất, khi so sánh, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi tính theo công thức sau:</i></p> $G_{GTSS(Y)} = G_{GT(Y)} + G_{GT(Y)} \times 7,5\%$

	<p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G_{GTSS(Y)}</math>: giá dự thầu để so sánh, xếp hạng của nhà thầu Y (là nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi);</li> <li>- <math>G_{GT(Y)}</math>: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu Y.</li> </ul> <p>Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá, khi so sánh, xếp hạng nhà thầu, giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi tính theo công thức sau:</p> $G_{DGSS(Y)} = G_{DG(Y)} + G_{DG(Y)} \times 7,5\%$ <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G_{DGSS(Y)}</math>: giá đánh giá để so sánh, xếp hạng của nhà thầu Y (là nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi);</li> <li>- <math>G_{DG(Y)}</math>: giá đánh giá của nhà thầu Y.]</li> </ul>
<b>CDNT 33.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá HSDT:</p> <p>a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt;</p> <p>b) Đánh giá về kỹ thuật: _____ [ghi cụ thể phương pháp đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm cho phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT];</p> <p>c) Đánh giá về tài chính: _____ [ghi cụ thể phương pháp đánh giá về tài chính. Bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá cho phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT].</p>
<b>CDNT 33.5</b>	<p>Xếp hạng nhà thầu:</p> <p>[Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì ghi như sau: “nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;</p> <p>Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì ghi như sau: “nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”.]</p>

<b>CDNT 36.6</b>	<i>[Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì ghi như sau: “nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”; Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì ghi như sau: “nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất”].</i>
<b>CDNT 42</b>	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax];</i> - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax];</i> - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax].</i>
<b>CDNT 43</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].</i>

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT**

#### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT**

##### **1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:**

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn (nếu có), bảo đảm dự thầu, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

Việc kiểm tra HSDT không phải là lý do để loại HSDT.

##### **1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:**

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải phù hợp với thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và giá dự thầu bằng số hoặc bằng chữ phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan mua sắm. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;

d) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh dự thầu hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh dự thầu phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT; không được ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV - Biểu mẫu dự thầu);

đ) Nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

e) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải

căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 22A, Mẫu số 22B hoặc Mẫu số 22C Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

g) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với chủ đầu tư trên một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công trên một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, khi nộp HSDT nếu nhà thầu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình; trường hợp không có sự thay đổi, nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu. Trường hợp năng lực của nhà thầu tại thời điểm đóng thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu theo tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp gói thầu không áp dụng sơ tuyển, việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự, báo cáo tài chính hoặc xác nhận thanh toán của chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải đồng tiền nêu tại Bảng tiêu chuẩn

đánh giá năng lực, kinh nghiệm trong HSMT tương ứng với từng tiêu chí thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về đồng tiền tương ứng nêu tại HSMT để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được thực hiện như sau:

- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi: \_\_\_\_\_ [đối với doanh thu hằng năm hoặc thông tin về tình hình tài chính của nhà thầu trong năm, áp dụng tỷ giá quy đổi được công bố tại ngày cuối cùng của năm đó;

Đối với giá trị của hợp đồng tương tự, áp dụng tỷ giá quy đổi tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Đối với giá trị của cam kết cung cấp tín dụng, áp dụng tỷ giá quy đổi tại ngày phát hành cam kết cung cấp tín dụng.]

- Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: \_\_\_\_\_ [ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam].

- Đồng tiền trung gian: \_\_\_\_\_ [ghi đồng tiền trung gian để quy đổi từ các loại đồng tiền về đồng tiền quy đổi trong trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa đồng tiền quy đổi và các loại đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự, báo cáo về doanh thu hằng năm, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Trong trường hợp này, cần quy định thêm về công thức xác định tỷ giá quy đổi thông qua đồng tiền trung gian (tỷ giá bán ra, mua vào...)].

Trường hợp việc quy đổi của nhà thầu chưa chính xác thì Bên mời thầu cần hiệu chỉnh cho phù hợp để làm cơ sở đánh giá.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 06 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01: Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Năng lực tài chính				
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
					Mẫu số 08



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
3.2	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của ____ <sup>(4)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ <sup>(5)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao <sup>(6)</sup> , hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ____ <sup>(7)</sup> [ <i>ghi giá trị và đồng tiền</i> ]. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng
					Các Mẫu số 09 và 10

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tin dụng phải đáp ứng các điều kiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị: Tối thiểu ____ [<i>ghi giá trị và đồng tiền</i>]</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tin dụng: có hiệu lực đến ngày ____ [<i>ghi rõ ngày, tháng, năm, ví dụ: 31 tháng 12 năm 2022</i>]</li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</li> </ul>			
4.1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự <sup>(8)</sup>	<p>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</p> <p>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu chọn một trong hai cách dưới đây:</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với
					Mẫu số 11

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	
		<p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành<sup>(10)</sup> tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu: ____, cấp: ____, <i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]</i><sup>(11)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V^{(12)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X = 2 \times V</math>.”</p> <p><b>Hoặc:</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành<sup>(10)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: ____, cấp: ____, <i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]</i><sup>(11)</sup>, có giá trị là <math>V^{(12)}</math> với tư cách</p>		<p>Từng thành viên liên danh</p> <p>phân công việc đảm nhận)</p>	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.”</p> <p><b>2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu chọn một trong hai cách dưới đây:</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành <sup>(10)</sup> tối thiểu:</p> <p>- 2 công trình có: loại kết cấu ____, cấp: __ [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(11)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V1<sup>(12)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq</math> X1, với tư cách là nhà</p>			

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X1 = 2 \times V1</math>.</p> <p>- 2 công trình có: loại kết cấu, cấp công cấp: [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu]<sup>(11)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V2^{(12)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X2</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X2 = 2 \times V2</math>.</p> <p>- 2 công trình có: loại kết cấu, cấp công cấp: [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu]<sup>(11)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V3^{(12)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X3</math>, với tư cách là nhà</p>			

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó X3 = 2 x V3.”</p> <p><b>Hoặc:</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành<sup>(10)</sup> tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 công trình có: loại kết cấu ____, cấp: ____ [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(11)</sup>, có giá trị là V1<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</li> <li>- 1 công trình có: loại kết cấu ____, cấp: ____ [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu]<sup>(11)</sup>, có giá trị là V2<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</li> </ul>			

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>- 1 công trình có: loại kết cấu____, cấp:____ [<i>ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu</i>]<sup>(11)</sup>, có giá trị là V3<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>”</p> <p>...</p> <p><b>3. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm các hạng mục công việc A1, A2, A3... (không phải là công trình theo pháp luật xây dựng)</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm____<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành<sup>(10)</sup> tối thiểu:</p> <p>- 1 hạng mục có tính chất tương tự____ [<i>ghi tính chất của hạng mục A1</i>], có giá trị là V1<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p>			

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>- 1 hạng mục có tính chất tương tự _____ [ghi tính chất của hạng mục A2], có giá trị là V2<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>- 1 hạng mục có tính chất tương tự _____ [ghi tính chất của hạng mục A3], có giá trị là V3<sup>(12)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.”</p> <p><i>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</i></p>			

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.



(2) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

(4) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021). Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

(5) Ghi giá trị và đồng tiền. Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm:

a) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) =  $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện hợp đồng theo năm}] \times k$ .

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) =  $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$ .

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

(6) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng thì nhà thầu phải gửi kèm bản cam kết cung cấp tín dụng trong HSDT.

(7) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện hợp đồng (tính theo tháng))**

Thông thường yêu cầu hệ số t trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu**

(8) Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 89 Luật Đấu thầu.

(9) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(10) Hoàn thành nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục đó và được nghiệm thu. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(11) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

(12) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở

các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét. Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị công việc xây lắp của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính. Trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất. Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn  $12\text{ m}^2$

Trong HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp III, có giá trị tối thiểu là  $50\% \times (X)\text{ VND}$ ” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ có loại kết cấu và cấp công trình tương tự với hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ của gói thầu đang xét.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSMT cho phù hợp. HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, Bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 12, 13 và 14 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
1			tối thiểu__ năm hoặc tối thiểu__ hợp đồng	
2			tối thiểu__ năm hoặc tối thiểu__ hợp đồng	
3				
...				

Ghi chú:

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:**

*Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Bên mời thầu đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.*

Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, Bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 15 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác; HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):**

Bên mời thầu chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 30.5 CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu chính khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu chính. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

*Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu*

chuẩn chi tiết khi sử dụng phương pháp chấm điểm. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất gói thầu, HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. Không yêu cầu mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí này;
- Các yếu tố cần thiết khác.

### **3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>:**

Căn cứ quy mô, tính chất gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức quy định này từ 80% đến 90% tổng số điểm về kỹ thuật.

HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì bỏ Mục 3.2 (Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt)



Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T = \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

$n$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup> :

*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.*

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì bỏ Mục 3.1 (Đánh giá theo phương pháp chấm điểm)

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp.*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>2</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại Mục 31.1 CDNT);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại Mục 31.2 CDNT);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 32 CDNT.

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu (không bao gồm thuế, phí, lệ phí) sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất.

##### **4.2. Phương pháp giá đánh giá<sup>3</sup>:**

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại Mục 31.1 CDNT);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại Mục 31.2 CDNT);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta_G + \Delta_{ƯĐ}$$

Trong đó:

-  $G$  = (giá dự thầu  $\pm$  giá trị sửa lỗi  $\pm$  giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có);

<sup>2</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì bỏ Mục 4.2 (Phương pháp giá đánh giá)

<sup>3</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì bỏ Mục 4.1 (Phương pháp giá thấp nhất)

-  $\Delta_{\text{ƯĐ}}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 32 CDNT;

-  $\Delta_G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình. Theo đó, khi xây dựng tiêu chuẩn giá đánh giá, Bên mời thầu có thể cân nhắc lượng hóa một hoặc các yếu tố khác ngoài giá dự thầu. Các yếu tố đó có thể bao gồm:

1. Tiến độ hoàn thành công trình:

Công trình phải được hoàn thành trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình quy định trong HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình sớm hơn quy định trong HSMT thì không được tính ưu tiên; nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

*Trường hợp Bên mời thầu có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của một ngày công trình được đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình) là A (VND) thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu hoàn thành công trình muộn hơn so với ngày hoàn thành công trình sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là  $A \times X$  (VND) vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

2. Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của công trình là đáng kể so với chi phí xây dựng công trình và có thể khác nhau giữa các HSDT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

- Số năm tính chi phí vòng đời: \_\_\_\_ [ghi số năm];

- Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: \_\_\_\_ [ghi tỷ lệ chiết khấu];

- Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của công trình được xác định theo cách thức: \_\_\_\_ [ghi cách thức xác định];

- Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

3. Đấu thầu bền vững (nếu có): \_\_\_\_\_ [*có thể quy định nội dung này nếu tại Mục 3 Chương này có yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về thân thiện môi trường, xã hội... so với mức yêu cầu tối thiểu*];

4. Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện trên cơ sở giá đánh giá của nhà thầu (không bao gồm thuế, phí, lệ phí). HSDT có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNT, HSDT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_\_ [*ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế*].

(Xem tiếp Công báo số 597 + 598)

# **VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

## **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2022  
quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi  
điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương,  
Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam  
và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len**

(Tiếp theo Công báo số 597 + 598)

# **MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU XÂY LẮP ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

**(Mẫu số 01)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len)

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>ĐKC 1.3</b>	Chủ đầu tư: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
<b>ĐKC 1.5</b>	Công trình bao gồm: _____ [ghi tóm tắt sơ lược về tên, địa điểm thi công gói thầu, bao gồm cả thông tin về quan hệ với các gói thầu khác trong Dự án].
<b>ĐKC 1.8</b>	Địa điểm Công trường tại _____ [ghi địa chỉ của Công trường] và được xác định trong Bản vẽ số _____ [ghi số].
<b>ĐKC 1.14</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình: _____ [ghi ngày]. [Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].
<b>ĐKC 1.15</b>	Ngày khởi công: _____ [ghi ngày].
<b>ĐKC 1.16</b>	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>ĐKC 1.25</b>	Tư vấn giám sát: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát].
<b>ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: _____ [liệt kê các phần]
<b>ĐKC 2.3</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [liệt kê tài liệu].
<b>ĐKC 3</b>	[Trường hợp đấu thầu nội khối thì ghi như sau: “Ngôn ngữ sử dụng của hợp đồng là: _____ [ghi “tiếng Việt” hoặc “tiếng Việt và tiếng Anh”].

	<p><i>Trường hợp hợp đồng được lập bằng cả hai ngôn ngữ thì cần nêu rõ ngôn ngữ nào là ngôn ngữ có giá trị pháp lý để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng (nếu có)]</i></p> <p><i>[Trường hợp đấu thầu quốc tế thì ghi như sau:</i></p> <p><i>“Ngôn ngữ sử dụng của hợp đồng là: _____ [ghi “tiếng Anh” hoặc “tiếng Việt và tiếng Anh”.</i></p> <p><i>Trường hợp hợp đồng được lập bằng cả hai ngôn ngữ thì cần nêu rõ ngôn ngữ nào là ngôn ngữ có giá trị pháp lý để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng (nếu có)]</i></p>
<b>ĐKC 5.1</b>	<p>Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % Giá hợp đồng <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% Giá hợp đồng].</i></p> <p>Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến _____ <i>[căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi Công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</i></p>
<b>ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ <i>[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu. Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn _____ ngày kể từ khi Công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</i></p>
<b>ĐKC 7.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT].</i></p>
<b>ĐKC 7.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ Giá hợp đồng <i>[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi tỷ lệ % theo tỷ lệ quy định tại Mục 31.2 CDNT].</i></p>

<b>ĐKC 7.5</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: _____ [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
<b>ĐKC 14</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: _____ [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả Chủ đầu tư và Nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu...].
<b>ĐKC 15</b>	Thông tin về Công trường: _____ [liệt kê các thông tin và dữ liệu về Công trường].
<b>ĐKC 18</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường: _____ [ghi địa điểm và ngày].
<b>ĐKC 21.2</b>	Thời gian để tiến hành hòa giải: _____ ngày [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa]. Giải quyết tranh chấp: _____ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế giải quyết tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>ĐKC 22</b>	- Ngày khởi công: _____ [ghi ngày dự định khởi công]. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [ghi ngày hoàn thành dự kiến].
<b>ĐKC 23.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng _____ ngày [ghi số ngày] kể từ ngày ký Hợp đồng.
<b>ĐKC 23.4</b>	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: _____ [ghi thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết]. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: _____ [ghi số tiền].



<b>ĐKC 24.3</b>	Các trường hợp khác:_____ [ <i>ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng khác (nếu có)</i> ].
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>ĐKC 27.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị:_____ [ <i>ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)</i> ].
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>ĐKC 33</b>	Loại hợp đồng:_____ [ <i>ghi “Hợp đồng theo đơn giá cố định” hoặc “Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh”</i> ].
<b>ĐKC 34.1</b>	<p>Giá hợp đồng:_____ [<i>ghi “Cố định” (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định) hoặc “Được trượt giá” (đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) phù hợp với loại hợp đồng nêu tại Mục 33 ĐKCT</i>].</p> <p>Trường hợp Hợp đồng có quy định về trượt giá thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực;</p> <p>b) Trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của Hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong Hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 40 ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong Hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng.</li> <li>- Giá hợp đồng được điều chỉnh theo sự thay đổi của các chi phí đầu vào. Việc tính trượt giá hợp đồng được thực hiện theo công thức cụ thể:_____ [<i>nêu rõ công thức điều chỉnh giá</i>].</li> </ul> <p>[<i>Ví dụ về công thức điều chỉnh giá theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng như sau:</i></p>

Trường hợp Điều chỉnh cho tất cả các yếu tố chi phí (Điều chỉnh cả vật liệu, nhân công, máy thi công), hệ số “Pn” được xác định như sau:

$$P_n = a + b \frac{Ln}{Lo} + c \frac{En}{Eo} + d \frac{Mn}{Mo} + \dots \quad (2)$$

Trong đó:

- a: Là hệ số cố định, được xác định ở bảng số liệu Điều chỉnh tương ứng trong hợp đồng, thể hiện phần không Điều chỉnh giá (bao gồm phần giá trị tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu và giá trị các Khoản chi phí không được Điều chỉnh giá trong hợp đồng) của các Khoản thanh toán theo hợp đồng (hoặc theo hạng Mục, hoặc công việc, hoặc yếu tố chi phí trong hợp đồng).

- b, c, d...: Là các hệ số biểu thị tỷ lệ (tỷ trọng) chi phí phần được Điều chỉnh của các yếu tố chi phí liên quan đến việc thực hiện công việc trong hợp đồng (chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí vật liệu,...) được nêu trong bảng số liệu Điều chỉnh tương ứng.

Tùy từng trường hợp Điều chỉnh (cho cả hợp đồng, hoặc hạng Mục công trình, hoặc công việc) để xác định các hệ số a, b, c, d... tương ứng cho phù hợp. Các hệ số a, b, c, d... do các bên tính toán, xác định và thỏa thuận trong hợp đồng.

Tổng các hệ số:  $a + b + c + d + \dots = 1$ ; ( $a = 1 - b - c - d - \dots$ )

- Ln, En, Mn, ...: Là các chỉ số giá hoặc giá hiện hành (tại thời Điểm Điều chỉnh) tương ứng với mỗi loại chi phí (chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí vật liệu,...) cho thời gian “n”, được xác định trong Khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán quy định trong hợp đồng.

- Lo, Eo, Mo, ...: Là các chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng với mỗi loại chi phí (chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí vật liệu,...), được xác định trong Khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu và phải được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

	<p><i>Trường hợp mà tiền tệ của chỉ số giá hoặc giá Điều chỉnh được nêu trong bảng Điều chỉnh khác với tiền tệ thanh toán trong hợp đồng, thì mỗi chỉ số giá hoặc giá sẽ phải chuyển đổi sang tiền tệ thanh toán tương ứng nêu trong hợp đồng theo tỷ giá bán ra do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày mà chỉ số giá hoặc giá được yêu cầu áp dụng, khi đó hệ số “Pn” được xác định như sau:</i></p> $P_n = a + (b \frac{L_n}{L_o} + c \frac{E_n}{E_o} + d \frac{M_n}{M_o} + \dots) \times \frac{Z_n}{Z_o} \quad (2')$ <p>- Zn: Là tỷ giá bán ra của đồng ngoại tệ thanh toán trong hợp đồng do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời Điểm Điều chỉnh cho thời gian “n”, được xác định trong Khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán quy định trong hợp đồng.</p> <p>- Zo: Là tỷ giá bán ra của đồng ngoại tệ thanh toán trong hợp đồng do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời Điểm gốc, được xác định trong Khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu và phải được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p><i>Trường hợp bên nhận thầu không hoàn thành công việc trong Khoảng thời gian quy định trong hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu thì việc Điều chỉnh giá sẽ được áp dụng trong Khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán theo thời gian quy định trong hợp đồng, hoặc thời Điểm thực hiện công việc đó do bên giao thầu quyết định theo nguyên tắc có lợi cho bên giao thầu.]</i></p>
<b>ĐKC 35.1</b>	<p>- Tạm ứng: ____ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng].</p> <p>- Thời gian tạm ứng: ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi cụ thể thời gian tạm ứng].</p>

<b>ĐKC 37.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:_____ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này phù hợp với pháp luật về xây dựng. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản..., số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành Hợp đồng. Giá trị thanh toán căn cứ khối lượng thực tế đã thực hiện. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ ngày Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].</p>
<b>ĐKC 38.1</b>	<p>Thuế nhà thầu nước ngoài:_____ [ghi “Có” hoặc “Không”. Trường hợp nhà thầu trúng thầu là nhà thầu nước ngoài, cần nêu rõ cách thức nộp thuế, giá trị thuế... quy định tại điểm d Mục 35.3 CDNT]</p>
<b>ĐKC 38.2</b>	<p>Điều chỉnh thuế:_____ [ghi “được phép” hoặc “không được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi thêm: “Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong Hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong Hợp đồng”].</p>
<b>ĐKC 39.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán:_____ [ghi tỷ lệ phần trăm. Số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].</p>
<b>ĐKC 40.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm Giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu _____% [nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%] giá trị giảm Giá hợp đồng.</p>

<b>ĐKC 42.1</b>	Mức phạt: _____ [ghi nội dung phạt, mức phạt phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng]. Tổng số tiền phạt tối đa: _____ [ghi mức phạt tối đa phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng].
<b>ĐKC 42.2</b>	Bồi thường thiệt hại: _____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau: - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự].
<b>ĐKC 42.3</b>	Thưởng hợp đồng: ____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”. Trường hợp áp dụng, quy định nội dung cụ thể về thưởng hợp đồng theo quy định của pháp luật.]
<b>E. Kết thúc Hợp đồng</b>	
<b>ĐKC 47</b>	Thời gian bàn giao Công trình: _____ [ghi thời gian bàn giao Công trình].
<b>ĐKC 48.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công].
<b>ĐKC 48.2</b>	Số tiền giữ lại: _____ [ghi số tiền giữ lại].

---

**Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 27. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 28. Hợp đồng

Mẫu số 29. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 30. Bảo lãnh tiền tạm ứng

**THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], \_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm \_\_\_\_ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 29 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [*ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.1 Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp

đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_<sup>(1)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.



Mẫu số 28

**HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015 của Quốc hội;**Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 của Quốc hội;**Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 của Quốc hội;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 của Quốc hội;**Căn cứ Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương);**Căn cứ Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len);**Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_,

**Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:**

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu<sup>(3)</sup> (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

***Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:***

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng;
2. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
3. Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
5. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;
6. Thông số kỹ thuật;
7. Bản vẽ;
8. Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu;
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 37.1 Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_\_\_ *[ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 33 ĐKCT]*.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSMT, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, Bên A giữ \_\_\_\_\_ bộ, Bên B giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NHÀ THẦU<sup>(4)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*